

Số: 126/BC-PL

Quận 8, ngày 05 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU - CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Phú Lợi đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và công bố báo cáo như sau:

A. Báo cáo công khai thường niên:

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường THCS Phú Lợi, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác

Trụ sở chính: 56 Trịnh Quang Nghị, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39810679

Website: <http://thcsphuloi.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

Trường THCS Phú Lợi là nơi tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, sống có trách nhiệm, sáng tạo góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường THCS Phú Lợi sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu của Quận 8. Trường cung cấp cho người học môi trường giảng



dạy và giáo dục tốt nhất, có tính chuyên môn cao, đảm bảo cho học sinh có năng lực tư duy và thích ứng nhanh.

4.3. Mục tiêu cụ thể

- Không ngừng nâng cao chất lượng, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại; được ứng dụng khoa học - công nghệ cao; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

- Tích cực sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông và áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học.

- Kiểm định chất lượng trường theo tiêu chuẩn kiểm định của Bộ.

- Thực hiện triệt để phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm “dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy.

- Thực hiện kiểm định chất lượng trường và các giải pháp cụ thể để bảo đảm chất lượng giảng dạy và giáo dục của trường.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến.

- Tin học hóa công tác quản lý hành chính, đáp ứng yêu cầu chính quy, hiện đại, tiết kiệm kinh phí và lao động.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Phú Lợi là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8, được thành lập ngày 16 tháng 7 năm 2015, địa chỉ 56 Trịnh Quang Nghị Phường 7, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động và chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế theo đúng chính sách, pháp luật, các quy định của Nhà nước, Ủy ban nhân dân thành phố TP. Hồ Chí Minh và của Ủy ban nhân dân Quận 8. Đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh, của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8.

Trường có 24 lớp, 978 học sinh, 2 cán bộ quản lý, 34 giáo viên, 5 nhân viên, 5 người lao động.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện đề liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện đề liên hệ: Bà Lê Thị Thắm

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 56 Trịnh Quang Nghị, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0342683278

Gmail: lethitham37@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường được thành lập theo quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập trường Trung học cơ sở Phú Lợi.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 6310/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND Quận 8 nhiệm kỳ 2024- 2029 do chủ tịch UBND Quận 8 ký. Hội đồng trường gồm 13 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Đồng chí Lê Thị Thắm làm chủ tịch Hội đồng- Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; Chủ tịch công đoàn nhà trường; Đồng chí Châu Minh Quang làm thư kí Hội đồng.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

+ Hiệu trưởng trường THCS Phú Lợi được bổ nhiệm theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 8/01/2020 của UBND Quận 8.

+ Phó hiệu trưởng Trường THCS Phú Lợi được bổ nhiệm theo quyết định số 4824/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân Quận 8.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết

TRƯỜNG
NGHĨA
PHÚ

của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Nhân sự hiện tại

	Tổng cộng	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1				1
Phó Hiệu trưởng	1		1		1	
Giáo viên	34	20	2		29	5
Nhân viên	5	3			5	
Cộng	41	24	3		35	6

2. Thông tin về đội ngũ

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th s	Đ H	C Đ	TC	D ướ i T C	Hạng III	Hạ n g II	Hạ n g I	Xuấ t sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CB, NV	41	0	6	33	2	0	0	23	13	0	8	28	0	0
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	34	0	5	29		0	0	23	13	0	8	28	0	0
1	Toán	7	1	6				6	1	0	1	6	0	0	
2	Lý	2		2					0	0	1	1	0	0	
3	Hóa	4		2	2			3	1	0	0	4	0	0	
4	Văn	6		2	4			4	2	0	2	4	0	0	
5	Tiếng Anh	4		4				2	2	0	1	3	0	0	
6	Mỹ thuật	0		0	0			0	0	0	0	0	0	0	
7	Thể dục	2		2				1	1	0	1	1	0	0	
9	Sinh học	1		1				1	0	0		1	0	0	
10	Âm nhạc	1	0	0	1			1	0	0		1	0	0	
II	Cán bộ QL	2									2				

1	Hiệu trưởng	1		1				1			1		
2	Phó hiệu trưởng	1		1				1		1			
III Nhân viên													
1	NV văn thư	1				1							
2	NV kế toán	1		1				1					
3	Thủ quỹ	0				0							
4	Nhân viên y tế	1				1		1					
5	NV thư viện	1		1				1					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0				0		0					
7	NV hỗ trợ giáo dục	0						0					
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1		1				0					

III. Cơ sở vật chất:

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường trung học cơ sở Phú Lợi

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	Lớp	16.5 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	16.5 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	10	1.2 m ² /Hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	16.400	16.5 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.475 m ²	m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56 m ²	1.2m ² /Hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	80 m ²	1.7 m ² /Hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	120 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	448 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống	56 m ²	56 m ² /phòng

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		3	2 bộ/ 3 lớp
1.1	Khối lớp 6		1	2 bộ/ 3 lớp
1.2	Khối lớp 7		1	1 bộ/ 2 lớp
1.3	Khối lớp 8		1	1 bộ/ 2 lớp
1.4	Khối lớp 9		1	1 bộ/ 3 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp			
2.2	Khối lớp			
2.3	Khối lớp			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		50	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi		2	
2	Cassette		4	
3	Đầu Video/đầu đĩa		0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		10	
5	Thiết bị khác		0	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		2	
2	Cát xét		04	
3	Đầu Video/đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		10	
5	Thiết bị khác			
	Nội dung	Số lượng (m ²)		
X	Nhà bếp	0		
XI	Nhà ăn	0		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	7, 56m ² /phòng	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ	4		4		1,5m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn VS*	0		0		0 m ²
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X			
XVII	Kết nối internet		X			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X			
XIX	Tường rào xây		X			

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường THCS Phú Lợi đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Phú Lợi đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục mức độ 1, từ đó giúp trường duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Phú Lợi đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ

các thành phần: cấp ủy Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

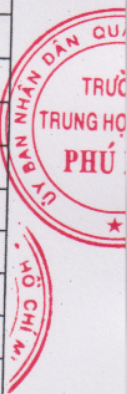
Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn. Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 1.

V. Kết quả hoạt động giáo dục:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Phú Lợi, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình tiểu học Địa bàn: Con em nhân dân P7, Q8	Đã học xong lớp 6, đủ điều kiện lên lớp 7 (Xếp loại hai mặt giáo dục ở lớp 6 từ trung bình trở lên)	Đã học xong lớp 7, đủ điều kiện lên lớp 8 (Xếp loại hai mặt giáo dục ở lớp 7 từ trung bình trở lên)	Đã học xong lớp 8, đủ điều kiện lên lớp 9 (Xếp loại hai mặt giáo dục ở lớp 8 từ trung bình trở lên)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT 2024-2025 (35 tuần/năm học)	Theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT 2024-2025 (35 tuần/năm học)	Theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT 2024-2025 (35 tuần/năm học)	Theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT 2024-2025 (35 tuần/năm học)

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường và xã hội - Tạo điều kiện cho HS đến trường. - Có thái độ học tập đúng đắn, cầu tiến, chăm chỉ. - Thực hiện đúng nội quy HS nhà trường ban hành. 																																														
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp, thể dục thể thao, tham gia các phong trào thi đua theo chủ điểm, tổ chức các hội thi: tổ chức cho học sinh tham gia các câu lạc bộ, dự thi các hội thi cấp quận, tổ chức cho học sinh đi tham quan. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). 																																														
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="2">*100 % học sinh rèn luyện sức khỏe tốt.</td> </tr> <tr> <td>Lên lớp thẳng</td> <td style="text-align: right;">0.61%</td> </tr> <tr> <td>Thi lại</td> <td style="text-align: right;">0.4%</td> </tr> <tr> <td>Lên lớp sau thi lại</td> <td style="text-align: right;">00</td> </tr> <tr> <td>Lưu ban</td> <td style="text-align: right;">0.2%</td> </tr> <tr> <td>Bỏ học</td> <td style="text-align: right;">0%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Xếp loại học lực</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Tốt</i></td> <td style="text-align: right;">30.03%</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Khá</i></td> <td style="text-align: right;">43.1%</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Đạt</i></td> <td style="text-align: right;">26.27%</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Chưa đạt</i></td> <td style="text-align: right;">0.6%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Xếp loại hạnh kiểm</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Tốt</i></td> <td style="text-align: right;">92.13%</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Khá</i></td> <td style="text-align: right;">7.87%</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Đạt</i></td> <td style="text-align: right;">0.1%</td> </tr> <tr> <td>+ <i>Chưa đạt</i></td> <td style="text-align: right;">0%</td> </tr> <tr> <td>Công nhận TNTHCS</td> <td style="text-align: right;">100%</td> </tr> <tr> <td>Tỉ lệ học sinh vào lớp 10 công lập</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tỉ lệ học sinh tiếp tục học sau lớp 9</td> <td style="text-align: right;">100%</td> </tr> <tr> <td>Tỉ lệ học sinh có điểm thi tuyển sinh10 > 5đ</td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ <i>Văn</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ <i>Toán</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ <i>Anh</i></td> <td></td> </tr> </table>	*100 % học sinh rèn luyện sức khỏe tốt.		Lên lớp thẳng	0.61%	Thi lại	0.4%	Lên lớp sau thi lại	00	Lưu ban	0.2%	Bỏ học	0%	Xếp loại học lực		+ <i>Tốt</i>	30.03%	+ <i>Khá</i>	43.1%	+ <i>Đạt</i>	26.27%	+ <i>Chưa đạt</i>	0.6%	Xếp loại hạnh kiểm		+ <i>Tốt</i>	92.13%	+ <i>Khá</i>	7.87%	+ <i>Đạt</i>	0.1%	+ <i>Chưa đạt</i>	0%	Công nhận TNTHCS	100%	Tỉ lệ học sinh vào lớp 10 công lập		Tỉ lệ học sinh tiếp tục học sau lớp 9	100%	Tỉ lệ học sinh có điểm thi tuyển sinh10 > 5đ		+ <i>Văn</i>		+ <i>Toán</i>		+ <i>Anh</i>	
*100 % học sinh rèn luyện sức khỏe tốt.																																																
Lên lớp thẳng	0.61%																																															
Thi lại	0.4%																																															
Lên lớp sau thi lại	00																																															
Lưu ban	0.2%																																															
Bỏ học	0%																																															
Xếp loại học lực																																																
+ <i>Tốt</i>	30.03%																																															
+ <i>Khá</i>	43.1%																																															
+ <i>Đạt</i>	26.27%																																															
+ <i>Chưa đạt</i>	0.6%																																															
Xếp loại hạnh kiểm																																																
+ <i>Tốt</i>	92.13%																																															
+ <i>Khá</i>	7.87%																																															
+ <i>Đạt</i>	0.1%																																															
+ <i>Chưa đạt</i>	0%																																															
Công nhận TNTHCS	100%																																															
Tỉ lệ học sinh vào lớp 10 công lập																																																
Tỉ lệ học sinh tiếp tục học sau lớp 9	100%																																															
Tỉ lệ học sinh có điểm thi tuyển sinh10 > 5đ																																																
+ <i>Văn</i>																																																
+ <i>Toán</i>																																																
+ <i>Anh</i>																																																



		Hiệu suất đào tạo			95.7
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lên lớp 7 100%	Lên lớp 8 99.2%	Lên lớp 9 100%	-Lưu ban: 0.2% -Bỏ học: 00%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Phú Lợi năm học 2024 – 2025

❖ Kết quả học tập

Khối lớp	Xếp loại học lực	Năm học	
		2024-2025	
		Số HS	Tỷ lệ
Khối lớp 6	Tốt	82	31.91
	Khá	112	43.58
	Đạt	61	23.74
	Chưa đạt	2	0.78
Khối lớp 7	Tốt	101	35.56
	Khá	107	37.68
	Đạt	76	26.76
	Chưa đạt	0	0.00
Khối lớp 8	Tốt	53	20.7
	Khá	123	48.05
	Đạt	76	29.69
	Chưa đạt	4	1.56
Khối lớp 9	Tốt	58	31.87
	Khá	80	43.96
	Đạt	44	24.18
	Chưa đạt	0	0.00

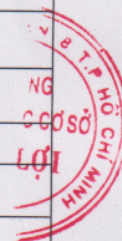
❖ Kết quả rèn luyện

Khối lớp	Kết quả rèn luyện	Năm học	
		2024-2025	
		Số HS	Tỷ lệ
Khối lớp 6	Tốt	242	94.16
	Khá	15	5.84
	Đạt	0	0.00
	Chưa đạt	0	0.00
Khối lớp 7	Tốt	260	91.55
	Khá	24	8.45
	Đạt	0	0.00
	Chưa đạt	0	0.00
Khối lớp 8	Tốt	219	85.55

	Khá	36	14.06
	Đạt	1	0.39
	Chưa đạt	0	0.00
Khối lớp 9	Tốt	180	98.9
	Khá	2	1.1
	Đạt	0	0.00
	Chưa đạt	0	0.00

VI. Kết quả tài chính:

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	4.480.425.500	
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	534.480.000	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	3.945.945.500	
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập	4.114.391.216	
1	Chi lương, thu nhập của cán bộ, giáo viên, nhân viên	2.063.071.650	
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo	1.552.051.650	
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	499.267.916	
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	266.034.000	
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	100.000.284	



VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên công thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024.

- Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2025.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2025) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Q8;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thắm